**Công nghệ**

**BÀI 2: SÁNG CHẾ CÔNG NGHỆ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẤN ĐẠT:**

-Vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.

- Lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

-có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Giáo viên :** Giáo án, SGK., Các hình ảnh trong SGK Bài 2, Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập.

**2. Học sinh :** Vở ghi, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi:  *Em có biết điện thoại do ai sáng chế ra không?*  Cách đổi màn hình điện thoại cho hệ điều hành iOS và Android  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học: *Điện thoại là một sáng chế trong đời sống của chúng ta. Để hiểu rõ về vai trò của sáng chế, lớp chúng ta hãy cùng đến với* ***Bài 2 – Nhà sáng chế công nghệ.*** | - HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ trả lời câu hỏi.  - HS trả lời:  *Điện thoại do A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo sáng chế.*    - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học. |

**2. Hoạt động 2: Khám phá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **a.Tìm hiểu về vai trò của sáng chế trong đời sống**  - GV yêu cầu HS cá nhân thực hiện nhiệm vụ: *Quan sát các hình, đọc thông tin gợi ý và cho biết vai trò của sáng chế trong đời sống.*    - GV mời đại diện HS trả lời. Các HS còn lại lắng nghe, nêu ý kiến khác.  - GV nhận xét và kết luận: *Những sáng chế như: bóng đèn điện, động cơ điện, ti vi, điện thoại, ô tô,... đã giúp cho cuộc sống con người ngày càng tiện nghi và văn minh hơn..*  ***b.*****Tìm hiểu vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ**  - GV yêu cầu HS nhóm đôi quan sát các hình ảnh SGK trang 10 và thực hiện nhiệm vụ:  *Quan sát hình, đọc thông tin gợi ý và cho biết vai trò của sáng chế với sự phát triển của công nghệ.*    - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời. Các cặp khác nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét và kết luận: *Sáng chế giúp công nghệ giao thông vận tải, công nghệ tự động hóa sản xuất, công nghệ thông tin,... ra đời và phát triển.* | - HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu trả lời câu hỏi.  - HS trả lời:  *+ Bóng đèn điện: chiếu sáng.*  *+ Động cơ điện: làm quạt điện.*  - HS lắng nghe.  - HS nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện HS trình bày:  *+ Động cơ: Thúc đẩy công nghệ giao thông vận tải phát triển.*  *+ Robot: Thúc đẩy công nghệ tự động hóa sản xuất phát triển.*  *+ Internet: Thúc đẩy công nghệ thông tin phát triển.*  - Hs thảo luận chia sẻ.  - HS lắng nghe. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - **Gv tổ chức cho Hs chơi Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?**  - GV tổ chức cho HS chơi trò *Ai nhanh, ai đúng?* theo đôi:  *Cùng bạn ghép thẻ vai trò của sáng chế trong đời sống và công nghệ phù hợp với hình tương ứng:*    - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét.  - GV nhận xét. | - HS (nhóm đôi) tích cực tham gia trò chơi.  - Đại diện nhóm trình bày:  *+ Máy tính và Internet: giúp mọi người kết nối, trao đổi thông tin nhanh chóng, thuận lợi.*  *+ Tấm pin năng lượng mặt trời: giúp công nghệ năng lượng phát triển.*  - HS lắng nghe. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  ? Em hãy cho biết vai trò của sản phẩm công nghệ trong cuộc sống. | - Hs chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe ghi nhớ.  - HS thảo luận chia sẻ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**